

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2024/HS-ST
Ngày 26-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần

Bà Võ Thị Hồng Tươi

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn B, sinh năm 2003, tại Hậu Giang; nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P và bà Hồ Thị Thùy E; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/3/2024 sau đó tạm giam đến nay; (có mặt)

2. Đặng Văn N, sinh năm 2000, tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N1 và bà Lê Thị G; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/3/2024 sau đó tạm giam đến nay; (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Nguyễn Quý T, sinh năm 2005; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn B và Đặng Văn N có mối quan hệ quen biết và cùng làm công nhân tại Công ty A tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. B và N đều là đối tượng nghiện ma túy.

Ngày 03/3/2024, do Bình ứng được tiền lương nên B rủ N mua ma túy về cùng sử dụng thì N đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, N mượn xe mô tô biển 66N1-581.43 của ông Nguyễn Quý T là người ở gần phòng trọ với N tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi điều khiển xe đến phòng trọ của B tại nhà trọ Phạm Công L thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương để chở B cùng đi mua ma túy. Trên đường đi, N đưa cho B 50.000 đồng để hùn tiền mua ma túy thì B không lấy và kêu N sử dụng đồ xăng xe mô tô để chở B đi mua ma túy và tìm chỗ cùng sử dụng ma túy. Sau đó, N2 điều khiển xe mô tô biển số 66N1- 581.43 chở B đến khu vực vòng xoay gần khu dân cư K thuộc phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi N2 sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro có sim thuê bao 0896.896.761 gọi vào số thuê bao 0933.466.806 của một người đàn ông (không rõ nhân thân; từng bán ma túy cho N trước đó) để hỏi mua ma túy với số tiền 300.000 đồng và cung cấp thông tin biển số xe mô tô để nhận dạng thì người này đồng ý. Lúc này, N và B đứng đợi khoảng 05 phút thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân) đến đưa cho B 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy đá, B đưa lại cho người này số tiền 300.000 đồng, N điều khiển xe mô tô chở B đi về phòng trọ.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi N điều khiển xe mô tô biển số 66N1-581.43 chở B đến khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng tuần tra Công an phường K đang làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện N2 và B có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra. Lúc này, B đang cầm 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy đá vừa mua được trong lòng bàn tay phải, do lo sợ bị phát hiện hành vi phạm tội nên B đã ném 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng này xuống đường gần vị trí dừng xe. Sau đó, lực lượng Công an yêu cầu B nhặt 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng này lên thì B và N khai nhận đây là ma túy mà B và N vừa mua được cất giấu để cùng sử dụng. Lực lượng Công an phường K tiến hành niêm phong 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng rồi đưa B và N về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, Công an phường K còn thu giữ 02 điện thoại di động hiệu Oppo và 01 xe mô tô biển số 66N1-581.43.

Sau đó, Công an phường K lập hồ sơ vụ việc ban đầu và chuyển Trần Văn B và Đặng Văn N cùng hồ sơ, vật chứng thu giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 1217/KL-KTHS(MT) ngày 12/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1700 gam.

Xe mô tô biển số 66N1-581.43 do ông Nguyễn Quý T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 03/3/2024, ông T cho Đặng Văn N mượn xe mô tô này để đi công việc, N sử dụng xe mô tô biển số 66N1-581.43 chở Trần Văn B đi mua ma túy để cùng sử dụng thì ông T không biết. Do vậy, ngày 14/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 1663 trả lại xe mô tô biển số 66N1-581.43 cho ông T.

Tại bản Cáo trạng số 170/CT-VKSTU ngày 06 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Trần Văn B, Đặng Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn B, Đặng Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: tuyên tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 bì thư được niêm phong, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Đặng Văn N, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, của Trần Văn B.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản niêm phong, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 03/3/2024, tại khu phố L, phường K, thành phố T, Trần Văn B và Đặng Văn N có hành vi cất giấu trái phép 0,1700 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã vi phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm, bị cáo B là người khởi xướng, rủ bị cáo N đi mua ma túy để cùng sử dụng. Bị cáo B cung cấp tiền, bị cáo N cung cấp phương tiện và trực tiếp liên hệ để mua ma túy. Do đó, các bị cáo có vai trò ngang nhau.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ của Trần Văn B, Đặng Văn N có khối lượng hoàn lại sau giám định là 0,1486 gam loại Methamphetamine là chất cấm cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của các bị cáo là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn B, Đặng Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (Một) năm 06 (S)

tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2024.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn N 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong có ký hiệu 1217/PC09, bên ngoài bì thư có chữ ký người bị bắt Đặng Văn N, dấu vân tay của người bị bắt Trần Văn B; người chứng kiến Dương Văn L1, Huỳnh Văn P1; cán bộ niêm phong Nguyễn Cao H; hình dấu đỏ Công an phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương và hình dấu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong chứa 0,1486 gam Methamphetamine.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI: 864182040915978, đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI: 869008065667668, đã qua sử dụng.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Văn B, Đặng Văn N mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung